

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KSBT TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 574/KSBT

Hà Nam, ngày 04 tháng 9 năm 2020

V/v thông báo kết quả xét nghiệm nước
Công ty CPNS Hà Nam tháng 8/2020

Kính gửi :

- Thường trực tỉnh Ủy Hà Nam;
- Thường trực HĐND tỉnh Hà Nam;
- UBND tỉnh Hà Nam;
- Sở Xây dựng Hà Nam;
- Sở Y tế Hà Nam;
- UBND thành phố Phủ Lý;
- Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam.

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 04/2009/TT-BYT ngày 17/6/2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành QCVN 01: 2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”;

Căn cứ Công văn số 1726/UBND-KGVX ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc triển khai thực hiện Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế;

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam tiến hành giám sát và lấy mẫu nước thành phẩm tại Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam xin thông báo kết quả xét nghiệm mẫu nước tháng 8 năm 2020 của Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam như sau:

I. TỔNG SỐ MẪU ĐƯỢC XÉT NGHIỆM: 09 mẫu trong đó:

- 03 mẫu nước thành phẩm tại 03 nhà máy;
- 06 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối của Công ty tại các hộ gia đình.

II. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

1. Kết quả xét nghiệm vi sinh vật: (Các chỉ số xét nghiệm và giới hạn cho phép gồm: *Coliform tổng số*: 0 MPN/100ml, *E.coli*: 0 MPN/100ml), trong đó:

- 03 mẫu nước thành phẩm tại nhà máy: Đạt tiêu chuẩn;
- 06 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối của Công ty tại các hộ gia đình: Đạt tiêu chuẩn.

Như vậy, về mặt vi sinh vật tất cả 09/09 mẫu trên đều đạt tiêu chuẩn chất lượng theo QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

2. Kết quả xét nghiệm lý - hóa:

Các thông số xét nghiệm và giới hạn cho phép gồm: *Màu sắc: 15 TCU; Mùi vị: không có mùi, vị lạ; pH: 6,5-8,5; Độ đục: 2 NTU; Độ cứng: 300 mg/l; Clorua: 250 mg/l; Mangan: 0,3 mg/l; Sắt tổng số: 0,3 mg/l; Nitrit: 3 mg/l; Nitrat: 50 mg/l; Asen: 0,01 mg/l; Chỉ số pecmanganat: 2 mg/l; Amoni: 3 mg/l; Clo dư: 0,3-0,5 mg/l; Sunphat: 250 mg/l;* trong đó:

- 01 mẫu nước thành phẩm lấy tại nhà máy số 1 (tại Quang Trung, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 661/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước thành phẩm lấy tại nhà máy số 2 (tại Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 664/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước thành phẩm lấy tại nhà máy nước sạch Sông Hồng (tại Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 667/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 1 (tại gia đình ông Đặng Văn Vinh, Thôn Lê Lợi, Phù Vân, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 662/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 1 (tại số nhà 2, ngõ 96, Đường Châu Cầu, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 663/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 2 (tại cây xăng Phù Vân, Xóm 1, Phù Vân, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 665/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy số 2 (tại số nhà 2, ngõ 387, Đường Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Phù Lý, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 666/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy nước sạch Sông Hồng (tại gia đình ông Bùi Xuân Cơ, Thôn Đông Ngoại, Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 668/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn;

- 01 mẫu nước trên mạng lưới đường ống phân phối của máy nước sạch Sông Hồng (tại gia đình Tuấn Giang, Ngõ 3 quốc lộ 38, Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam), phiếu kiểm nghiệm số 669/XN-KSBT: Đạt tiêu chuẩn.

Như vậy, về mặt lý - hóa, tất cả 09/09 mẫu trên đều đạt tiêu chuẩn chất lượng 15 thông số theo QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận


03 mẫu nước thành phẩm tại 03 nhà máy và 06 mẫu trên mạng lưới đường ống phân phối của Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam đều đạt 17 thông số xét nghiệm (15 thông số nhóm A và 02 thông số nhóm B) trong QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống”.

2. Kiến nghị

Đề nghị Công ty Cổ phần Nước sạch Hà Nam tiếp tục duy trì hệ thống xử lý tại nhà máy và hệ thống đường ống để đảm bảo nguồn nước cung cấp cho nhân dân sử dụng đạt tiêu chuẩn nước ăn uống theo QCVN 01:2009/BYT.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Quản lý MT Y tế (để báo cáo);
- Lưu: VT, SKMT-YTTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Dương

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 661/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 661/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Quang Trung, Phủ Lý, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	10,5	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,0	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,8	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	106	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	46,80	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,019	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,028	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,042	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,3	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,28	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,50	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	37,5	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 662/XN-KSBT)

- Tên mẫu: NƯỚC THÀNH PHẨM 1
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 662/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình ông Đặng Văn Vinh (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 1 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Thôn Lê Lợi, Phù Vân, Phủ Lý, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	10,8	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,0	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,8	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	106	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	46,80	250
7	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,020	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,029	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,042	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,4	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,28	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,48	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	37,5	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 663/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 663/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại số nhà 2, ngõ 96 (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 1 – Công ty có phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Đường Châu Cầu, Phủ Lý, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,0	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,1	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,8	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	110	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	46,80	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,020	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,029	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,042	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,4	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,36	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,39	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	38,2	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 664/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 664/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,5	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		6,9	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,90	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	102	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	39,71	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,025	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,042	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	KPH (<0,041)	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,8	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,44	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,49	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	36,3	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

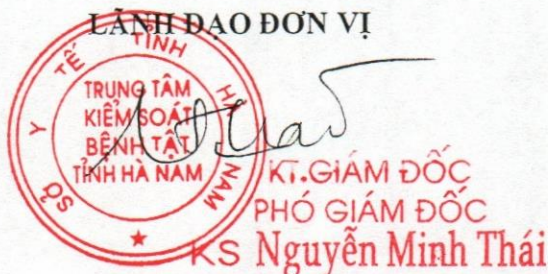
11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 665/XN-KSBT)

- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 1**
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 665/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại cây xăng Phủ Vân (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Xóm 1, Phủ Vân, Phủ Lý, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,5	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		6,9	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,92	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	102	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	39,71	250
7	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,026	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,048	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	KPH (<0,041)	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,9	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,52	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,44	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	37,2	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu^(*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 666/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM 2**
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 666/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại số nhà 2, ngõ 387 (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy số 2 – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Đường Lý Thường Kiệt, Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	11,8	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,0	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,92	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	104	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	39,71	250
7	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	0,026	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,048	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,043	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	2,0	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,44	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,41	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	37,9	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH (<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH (<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 667/XN-KSBT)



- Tên mẫu: **NƯỚC THÀNH PHẨM**
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 667/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam
Địa chỉ: Mộc Nam, Duy Tiên, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,4	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH (*)	TCVN 6492:2011		7,8	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,73	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	246	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	22,69	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	KPH (<0,01)	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	KPH (<0,01)	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,050	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,6	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	0,96	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,43	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	32,2	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KI. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 668/XN-KSBT)



- Tên mẫu: NƯỚC THÀNH PHẨM 1
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 668/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình ông Bùi Xuân Cơ (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Thôn Đông Ngoại, Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	9,5	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,8	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,77	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/l	244	300
6	Hàm lượng Clorua (*)	TCVN 6194:1996	mg/l	22,69	250
7	Hàm lượng Mangan (*)	TCVN 6002:1995	mg/l	KPH (<0,01)	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	TCVN 6177:1996	mg/l	KPH (<0,01)	0,3
9	Hàm lượng Nitrit (*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,050	3
10	Hàm lượng Nitrat (*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,6	50
11	Hàm lượng Asen(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,04	2
13	Hàm lượng Amoni (*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,36	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	32,8	250
16	Coliforms (*)	TCVN	MPN/	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli (*)	6187-2:1996	100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 1” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 669/XN-KSBT)



- Tên mẫu: NƯỚC THÀNH PHẨM 2
- Mã số mẫu: 20.08.18 - 669/QL - NTP
- Mô tả mẫu: Mẫu được lấy và đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 18/08/2020
- Ngày nhận mẫu: 18/08/2020
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ 18/08/2020 đến 03/09/2020.
- Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Tuấn Giang (Mạng lưới đường ống phân phối của Nhà máy nước sạch Sông Hồng – Công ty cổ phần nước sạch Hà Nam)
Địa chỉ: Ngõ 3 quốc lộ 38, Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam.
- Tài liệu kèm theo: Không
- Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCVN 01:2009/BYT)
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	10,2	15
2	Mùi vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	pH ^(*)	TCVN 6492:2011		7,8	6,5 – 8,5
4	Độ đục	SMEWW 2130B	NTU	0,80	2
5	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/l	246	300
6	Hàm lượng Clorua ^(*)	TCVN 6194:1996	mg/l	22,69	250
7	Hàm lượng Mangan ^(*)	TCVN 6002:1995	mg/l	KPH (<0,01)	0,3
8	Hàm lượng Sắt tổng số ^(*)	TCVN 6177:1996	mg/l	KPH (<0,01)	0,3
9	Hàm lượng Nitrit ^(*)	TCVN 6178 :1996	mg/l	0,045	3
10	Hàm lượng Nitrat ^(*)	TCVN 6180 :1996	mg/l	1,7	50
11	Hàm lượng Asen ^(*)	TCVN 6626 : 2000	mg/l	KPH (<0,001)	0,01
12	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/l	1,04	2
13	Hàm lượng Amoni ^(*)	TCVN 6179:1996	mg/l	KPH (<0,064)	3
14	Clo dư	TCVN 6225-2:2012	mg/l	0,37	0,3 – 0,5
15	Hàm lượng Sunphat	EPA 375.4	mg/l	32,5	250
16	Coliforms ^(*)	TCVN	MPN/	KPH(<3MPN/100ml)	0
17	E. coli ^(*)	6187-2:1996	100ml	KPH(<3MPN/100ml)	0

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.

12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu “NƯỚC THÀNH PHẨM 2” trên đạt 17 chỉ tiêu kiểm nghiệm.

Hà Nam, ngày 03 tháng 9 năm 2020

KIỂM NGHIỆM VIÊN



LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

KS Nguyễn Minh Thái

Nguyễn Minh Tuấn

Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định